

Bản án số: **33/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: **23/01/2025**

V/v: *Xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Anh*

T và anh Tạ Văn H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ- TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Mai và Lê Thị Thu Hạnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên- Cán bộ

Toà án nhân dân huyện Thanh Trì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Duy Hùng- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 513/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX ngày 03/01/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 15/2025/QĐ- HPT ngày 15/01/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1983**

Nơi thường trú và trú tại: Thôn T, xã L, huyện Thanh Trì, Hà Nội

(Chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1972**

Nơi thường trú và trú tại: Thôn T, xã L, huyện Thanh Trì, Hà Nội

(Anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Anh T trình bày:**

- **Về tình cảm:** Tôi và anh Tạ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày 13/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Thọ Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hòa thuận được một thời gian đầu sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, đến năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt nguyên nhân do vợ chồng tính cách, không hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Tuy vẫn sống chung một nhà nhưng việc ai người đó làm, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H.

- **Về con chung:** Tôi và anh H có 01 con chung là cháu Tạ Tuấn H1, sinh ngày 03/6/2008.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi đang kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng. Tôi có thời gian để chăm sóc con. Hiện nay tôi đang sống cùng mẹ đẻ tôi tại thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Nhà 2 tầng, diện tích hơn 200m². Sau khi tôi và anh H ly hôn mẹ con tôi sẽ về sống chung với mẹ đẻ tôi tại địa chỉ trên.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung:** Tôi và anh H tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Tôi và anh H không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Tạ Văn H, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để Tòa án giải quyết vụ án, tiếp cận và công khai chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, thông báo về phiên hoà giải về việc chị Nguyễn Thị Anh T xin ly hôn nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do*

Tại phiên toà:

- Chị Nguyễn Thị Anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
- Anh Tạ Văn H vắng mặt không có lý do
- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật

- Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự:

+ Nguyên đơn chấp hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

+ Bị đơn không chấp hành đầy đủ, không có mặt, không đưa ra các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình

* Về nội dung vụ án: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023, nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, anh chị đã sống ly thân từ năm 2023. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Anh T. Chị Nguyễn Thị Anh T được ly hôn anh Tạ Văn H

- Về con chung: Giao cháu Tạ Tuấn H1, sinh ngày 03/6/2008 cho chị Nguyễn Thị Anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng

- Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không xem xét

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Anh T xin ly hôn anh Tạ Văn H có nơi thường trú và trú tại: Thôn T, xã L, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Tạ Văn H đã được Toà án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án, để tham gia phiên hoà giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H đều vắng mặt. Ngày 15/01/2023, Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà và ấn định xét xử vào ngày 23/01/2025. Tại phiên toà ngày 23/01/2025, anh H vẫn vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai anh H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, đồng thời chị T cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Anh T và anh Tạ Văn H được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội ngày 13/11/2006. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Tuy vợ chồng cùng sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau.

Xác minh tại địa phương được cung cấp: Quá trình chung sống, chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có bất cứ lời khai nào, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mà có thái độ chống đối, không hợp tác với Cơ quan pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H đã được Toà án tạo điều kiện để tham gia phiên hoà giải nhưng đều vắng mặt không có lý do cho thấy anh H không có mong muốn đoàn tụ với chị T. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh H không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận

* **Về con chung:** Chị T và anh H có 01 con chung là Tạ Tuấn H1, sinh ngày 03/06/2008

Xét việc chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên là quyền và trách nhiệm của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung vì chị có công việc ổn định, có thu nhập và có chỗ ở để nuôi dạy con tốt. Bản thân cháu H1 cũng có nguyện vọng ở cùng chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của chị T và cháu H1 là chính đáng và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Do đó giao chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung thời gian kể từ tháng 01/2025 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con đối với anh H cho đến khi chị T có yêu cầu. Anh H có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung:** Chị T không đề nghị Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Toà án công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H không có yêu cầu phản tố nên Toà án không xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Anh T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm
Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Anh T. Chị Nguyễn Thị Anh T được ly hôn Anh Tạ Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Tạ Tuấn H1, sinh ngày 03/06/2008, thời gian kể từ tháng 01/2025 đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi

con. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tôn nuôi con đối với anh H cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh H có quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện đến Toà án bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp được trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057584 ngày 05/11/2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKS, Chi cục THADS huyện Thanh Trì
- UBND xã Liên Ninh số 64, quyển số 01 ngày 13/11/2006
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Tự Hiếu